ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 364 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả thực thi hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do"; Quyết định số 2998/QĐ-BNN-CCPT ngày 05/9/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch triển khai của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án nêu trên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 11385/SNNMT-TTBVCL ngày 21/9/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Mục đích chung

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án SPS phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Ngãi; nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản trong việc nhận diện, tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu SPS của Việt Nam và thị trường xuất khẩu.

- Tăng cường quản lý, giám sát, cảnh báo và kiểm soát nguy cơ về an toàn thực phẩm, dịch bệnh động vật, sinh vật gây hại và các mối nguy đối với sản phẩm nông lâm thủy sản; góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản Quảng Ngãi.

- Chủ động hỗ trợ các vùng sản xuất, vùng nguyên liệu, cơ sở sản xuất, chế biến, hợp tác xã và doanh nghiệp của tỉnh đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu SPS của các thị trường trong nước và quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% công chức, viên chức làm công tác quản lý an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy sản và các lĩnh vực liên quan được cập nhật kiến thức SPS phù hợp với vị trí việc làm.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc diện quản lý và có hoạt động xuất khẩu hoặc định hướng xuất khẩu được tiếp cận, phổ biến thông tin về yêu cầu SPS của các thị trường trọng điểm.

- Duy trì đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, cung cấp và phản hồi thông tin SPS của tỉnh; tăng cường kết nối với hệ thống SPS Việt Nam và các cơ quan chuyên môn Trung ương.

- Tăng cường giám sát an toàn thực phẩm, dịch bệnh động vật, sinh vật gây hại và dư lượng các chất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Tăng cường kiểm soát các yếu tố đầu vào trong sản xuất nông nghiệp; ưu tiên các nhóm có nguy cơ cao như thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, giống cây trồng, giống vật nuôi và các vật tư nông nghiệp khác.

- Tăng cường quản lý, giám sát mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi, cơ sở đóng gói và các cơ sở có liên quan đến xuất khẩu theo quy định và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

- Nâng cao năng lực truy xuất nguồn gốc, xử lý cảnh báo và kiểm soát sự cố an toàn thực phẩm, dịch bệnh, sinh vật gây hại đối với sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Chủ động cập nhật, phân tích và phổ biến các thông báo, cảnh báo và quy định SPS mới của các thị trường xuất khẩu có liên quan đến sản phẩm của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án SPS và Kế hoạch của Bộ; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị.

- Xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra; hạn chế giao nhiệm vụ chung chung, trùng lặp hoặc vượt thẩm quyền.

- Lấy phòng ngừa, cảnh báo sớm, quản lý theo nguy cơ và hỗ trợ sản xuất đáp ứng thị trường làm trọng tâm.

- Gắn thực hiện SPS với phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực, vùng nguyên liệu, chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ - xuất khẩu của tỉnh.

- Lồng ghép nhiệm vụ SPS với các chương trình, đề án, kế hoạch đang triển khai; sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường tuyên truyền, đào tạo và nâng cao nhận thức về SPS

a) Nội dung

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, phổ biến quy định SPS cho cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến, cơ sở kinh doanh, tổ chức ngành hàng và người sản xuất.

- Tập trung hướng dẫn các yêu cầu về: an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật; kiểm soát dịch bệnh và sinh vật gây hại; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; sử dụng kháng sinh; truy xuất nguồn gốc; mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; yêu cầu SPS của từng thị trường xuất khẩu.

- Tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, dễ áp dụng theo từng nhóm sản phẩm và thị trường.

- Phối hợp với Văn phòng SPS Việt Nam tiếp nhận và phổ biến các thông báo, cảnh báo, quy định SPS mới.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã; Hội Nông dân và các tổ chức có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Hàng năm, giai đoạn 2027-2030.

2. Kiện toàn đầu mối SPS và cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin

a) Nội dung

- Rà soát, kiện toàn đầu mối SPS của tỉnh theo hướng một đầu mối điều phối, nhiều đầu mối chuyên môn phối hợp, phù hợp chức năng quản lý của từng cơ quan.

- Thiết lập cơ chế tiếp nhận, tổng hợp, phân loại và chuyển thông tin SPS đến đúng cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc cơ sở có liên quan.

- Phối hợp với Văn phòng SPS Việt Nam cập nhật các thông báo, cảnh báo và quy định SPS mới của các thị trường.

- Xây dựng danh sách các sản phẩm, ngành hàng, thị trường xuất khẩu trọng điểm của tỉnh để ưu tiên theo dõi yêu cầu SPS.

- Tổ chức trao đổi thông tin định kỳ giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đơn vị phối hợp: Văn phòng SPS Việt Nam, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Năm 2027 kiện toàn, duy trì thực hiện hằng năm đến năm 2030.

3. Rà soát, tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành pháp luật về SPS

a) Nội dung

- Rà soát các quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có liên quan đến SPS; kịp thời cập nhật, phổ biến các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu mới của thị trường.

- Tổng hợp khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn.

- Theo dõi việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, thú y, chăn nuôi, trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy sản, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật và các lĩnh vực liên quan.

- Gắn việc thực hiện SPS với Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; và các chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa, chế biến và thị trường của tỉnh.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đơn vị phối hợp: Văn phòng SPS Việt Nam, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát và quản lý theo nguy cơ

a) Nội dung

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giám sát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm thủy sản trên cơ sở phân tích nguy cơ.

- Tập trung vào các nhóm sản phẩm, vùng sản xuất và cơ sở có nguy cơ cao hoặc có yêu cầu chặt chẽ từ thị trường nhập khẩu.

- Tăng cường giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, vi sinh vật, kim loại nặng và các mối nguy khác theo quy định; kiểm soát các yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp; tăng cường giám sát dịch bệnh động vật, sinh vật gây hại trên cây trồng; chủ động phòng ngừa nguy cơ xâm nhiễm, phát sinh và lây lan dịch bệnh. Khi phát hiện nguy cơ hoặc vi phạm, thực hiện truy xuất, khoanh vùng, xử lý và cảnh báo theo quy định.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế.

c) Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

5. Tăng cường truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chuỗi sản xuất

a) Nội dung

- Hướng dẫn, hỗ trợ các vùng sản xuất, cơ sở sản xuất, cơ sở sơ chế, chế biến, đóng gói thực hiện truy xuất nguồn gốc theo quy định và yêu cầu của thị trường.

- Quản lý, giám sát việc duy trì điều kiện đối với mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu.

- Khuyến khích áp dụng nhật ký sản xuất điện tử, mã QR, cơ sở dữ liệu và các giải pháp số phù hợp.

- Xây dựng, duy trì các chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ an toàn, có khả năng truy xuất.

- Khi xảy ra cảnh báo hoặc sự cố, tổ chức truy xuất theo nguyên tắc xác định rõ nguồn gốc, phạm vi ảnh hưởng và trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; UBND cấp xã; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

6. Phân tích, đánh giá và cảnh báo rủi ro SPS

a) Nội dung

- Xây dựng danh mục các mối nguy trọng điểm đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của tỉnh.

- Tăng cường lấy mẫu trên cơ sở đánh giá nguy cơ, thay cho việc kiểm tra dàn trải.

- Phân tích kết quả giám sát để xác định xu hướng, khu vực, sản phẩm và cơ sở có nguy cơ cao.

- Chủ động cảnh báo cho người sản xuất, doanh nghiệp và hợp tác xã khi có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm, dịch bệnh hoặc khả năng xuất khẩu.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn Trung ương trong trường hợp xuất hiện cảnh báo SPS từ thị trường nhập khẩu.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

7. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và vùng sản xuất đáp ứng yêu cầu SPS của thị trường

a) Nội dung

- Tập trung hỗ trợ các ngành hàng, sản phẩm có tiềm năng phát triển thị trường và xuất khẩu của tỉnh.

- Nội dung hỗ trợ gồm: cung cấp thông tin về yêu cầu SPS của từng thị trường; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã nhận diện các yêu cầu bắt buộc trước khi xuất khẩu; hướng dẫn kiểm soát nguyên liệu, dư lượng, dịch bệnh, sinh vật gây hại, truy xuất nguồn gốc và hồ sơ liên quan; phối hợp tháo gỡ khó khăn khi sản phẩm của tỉnh phát sinh cảnh báo SPS; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, liên kết với người sản xuất và kiểm soát toàn bộ chuỗi.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương.

c) Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Hàng năm.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

a) Nội dung

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an toàn thực phẩm, dịch bệnh động vật, sinh vật gây hại và kiểm dịch.

- Từng bước xây dựng, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu về vùng sản xuất, cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến, mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói và các thông tin liên quan.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc và quản lý chuỗi cung ứng.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo dịch bệnh, sinh vật gây hại và các mối nguy an toàn thực phẩm.

- Ưu tiên các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp xanh, giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu thị trường.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

9. Nâng cao năng lực kiểm nghiệm, đánh giá sự phù hợp và quản lý dựa trên nguy cơ

a) Nội dung

- Rà soát năng lực phòng thử nghiệm, cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý an toàn thực phẩm và kiểm soát chất lượng nông lâm thủy sản.

- Tăng cường phối hợp sử dụng các phòng thử nghiệm được công nhận, chỉ định theo quy định.

- Nâng cao năng lực cán bộ về lấy mẫu, kiểm nghiệm, đánh giá nguy cơ và xử lý kết quả.

- Từng bước áp dụng phương pháp giám sát dựa trên nguy cơ.

- Phối hợp cơ quan Trung ương cập nhật phương pháp kiểm nghiệm, chỉ tiêu, mức giới hạn tối đa cho phép và yêu cầu kỹ thuật của các thị trường trọng điểm.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan.

d) Thời gian thực hiện**:** Hàng năm.

10. Chủ động theo dõi thị trường và hỗ trợ mở cửa thị trường

a) Nội dung

- Theo dõi các thay đổi về chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu SPS của các thị trường xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Công Thương và Văn phòng SPS Việt Nam cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Xác định các sản phẩm có lợi thế của tỉnh để ưu tiên hỗ trợ tiếp cận thị trường.

- Khi có yêu cầu hoặc cảnh báo SPS mới, chủ động thông tin đến các chủ thể liên quan để có biện pháp thích ứng.

- Phối hợp trong hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp và phát triển thị trường gắn với khả năng đáp ứng yêu cầu SPS.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Công Thương.

c) Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Hàng năm.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách Nhà nước: Bao gồm chi thường xuyên; nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm của tỉnh theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành được quản lý và thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác: Nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SPS thuộc phạm vi quản lý; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện. Chủ động phối hợp với Văn phòng SPS Việt Nam và các cơ quan chuyên môn Trung ương để cập nhật thông tin, hướng dẫn kỹ thuật và xử lý các vấn đề phát sinh.

- Định kỳ trước ngày **09 tháng 12 hằng năm**, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường qua Văn phòng SPS Việt Nam theo thời hạn quy định. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã để tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Sở Công Thương

- Phối hợp cung cấp thông tin về thị trường, hoạt động xuất nhập khẩu và yêu cầu của đối tác thương mại.

- Phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại gắn với yêu cầu SPS.

- Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thị trường và hoạt động xuất khẩu.

3. Sở Y tế: Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; trao đổi thông tin, cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm có liên quan đến chuỗi sản xuất, cung ứng thực phẩm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ SPS; hỗ trợ ứng dụng công nghệ số, truy xuất nguồn gốc, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm; phối hợp hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng phù hợp.

5. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

6. UBND các xã, phường, đặc khu

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến yêu cầu SPS đến người sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- Quản lý vùng sản xuất, cơ sở sản xuất và chuỗi sản phẩm thuộc địa bàn. Phối hợp thực hiện giám sát, truy xuất nguồn gốc, phòng chống dịch bệnh, sinh vật gây hại và xử lý sự cố theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Môi trường khi phát sinh nguy cơ hoặc sự cố liên quan đến SPS.

7. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức liên quan

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến yêu cầu SPS đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tổng hợp nhu cầu, khó khăn của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình đáp ứng yêu cầu SPS để phản ánh cơ quan quản lý nhà nước.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động đầu tư nâng cao chất lượng, kiểm soát chuỗi và truy xuất nguồn gốc.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP Tạ Văn Lực;
- Lưu: VT, NNMT.ntph

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Tâm Hiển